
**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.48	-0.20	0.91	-0.02	3Y	2.06	-0.020
1W	1.31	-0.24	0.99	-0.02	5Y	2.37	-0.016
2W	1.84	0.08	1.09	-0.03	7Y	2.86	-0.008
1M	2.21	0.11	1.22	-0.01	10Y	3.13	-0.003
2M	2.41	0.15	1.30	0.00	15Y	3.28	-0.001
3M	2.49	0.13	1.41	-0.06			
6M	2.73	0.09	1.59	-0.04			
9M	2.83	0.06	1.70	-0.05			
1Y	2.94	0.00	1.81	-0.04			

Nguồn: Reuters

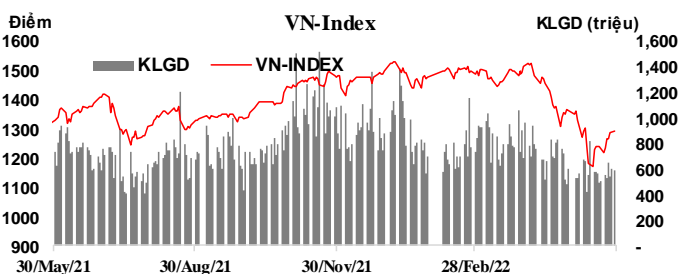
**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

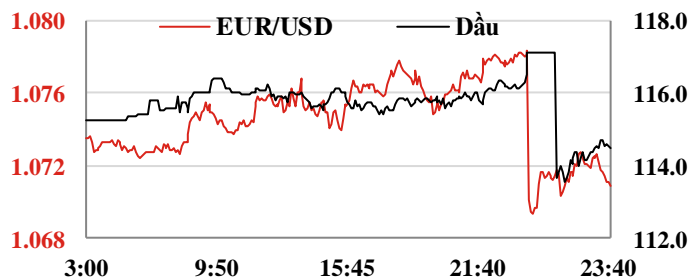
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
30-05-22	1	14	2.50	10,000	195.66	-	195.66	2,510.94
27-05-22	1	14	2.50	10,000	-	342.02	- 342.02	2,315.28
26-05-22	1	14	2.50	10,000	414.13	409.44	4.69	2,657.30

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1293.92	312.77	95.71
%/ngày	0.66%	0.51%	0.44%
%/31/12/2021	-13.64%	-34.0%	-15.1%
KLGD (tr.d.vi)	587.23	81.37	45.0
GTGD (tỷ đ)	16496.24	1802.70	783.33
NĐINN mua (tỷ đ)	3268.69	13.01	0.47
NĐINN bán (tỷ đ)	1593.43	13.54	0.38

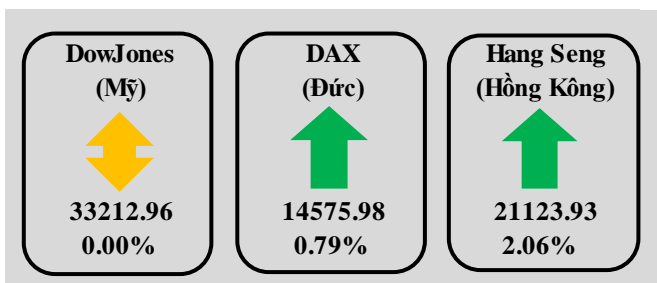
**Tin trong nước ngày 30/05**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 30/05, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.089 VND/USD, giảm mạnh 20 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.250 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 23.181 VND/USD, giảm mạnh 29 đồng so với phiên 27/05. Tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục giảm mạnh 190 đồng ở chiều mua vào và 170 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.850 VND/USD và 23.900 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 30/05, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,20 – 0,24 đpt ở các kỳ ngắn trong khi tăng 0,08 – 0,11 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,48%; 1W 1,31%; 2W 1,84% và 1M 2,21%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 0,91%; 1W 0,99%; 2W 1,09%, 1M 1,22%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 2,06%; 5Y 2,37%; 7Y 2,86%; 10Y 3,13%; 15Y 3,28%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 195,66 tỷ đồng trúng thầu trong khi không có khối lượng đảo hạn ở phiên hôm qua. Như vậy, NHNN bơm ròng 195,66 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên mức 2.510,94 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, sau khi giao dịch dưới mốc tham chiếu gần hết phiên sáng, các chỉ số bật tăng trong phiên chiều và chốt phiên trong sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,47 điểm (+0,66%) lên 1.293,92 điểm; HNX-Index tăng 1,60 điểm (+0,51%) lên mức 312,77 điểm; UPCOM-Index tăng 0,42 điểm (+0,44%) đạt 95,71 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện với tổng giá trị giao dịch đạt gần 19.100 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng mạnh gần 1.700 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ 01/01 đến ngày 20/05/2022, vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 11,71 tỷ USD, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Có 578 dự án được cấp phép mới với vốn đăng ký đạt 4,12 tỷ USD, giảm 5,7% về số dự án và giảm 53,4% về số vốn đăng ký. Có 395 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 5,61 tỷ USD, tăng 45,4% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.339 lượt với tổng giá trị góp vốn 1,98 tỷ USD, tăng 51,6% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 5 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 7,71 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước.**





	30 May 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	101.67	0.00%	-0.40%	5.94%
USD/CNY	6.66	-0.57%	0.16%	4.84%
USD/EUR	0.93	-0.46%	-0.82%	5.48%
USD/JPY	127.55	0.35%	-0.25%	10.84%
USD/KRW	1234.85	-1.37%	-1.83%	3.95%
USD/SGD	1.37	-0.14%	-0.42%	1.32%
USD/TWD	28.98	-1.12%	-2.05%	4.56%
USD/THB	34.08	-0.09%	-0.15%	2.56%
USD/VND Trung tâm	23089	-0.09%	-0.12%	-0.24%
USD/VND LNH	23181	-0.05%	0.02%	1.69%
USD/VND tự do	23850	0.00%	-0.21%	1.71%
Vàng	1856.21	0.19%	0.16%	1.52%
Dầu	115.07	0.00%	4.33%	53.00%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0000	-0.8256		
1M	1.0616	-0.0001	1.1125	0.0000
3M	1.5804	-0.0174	1.3379	0.0000
6M	2.0689	-0.0173	0.8211	0.0000
1Y	2.6976	0.0019		

Số liệu ngày SIBOR 27/05/2022

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,50%	1,0%	05/05/2022	14/06/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	09/06/2022
Anh	GBP	0,75%	1,0%	05/05/2022	16/06/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2022
Australia	AUD	0,25%	0,35%	03/05/2022	07/06/2022

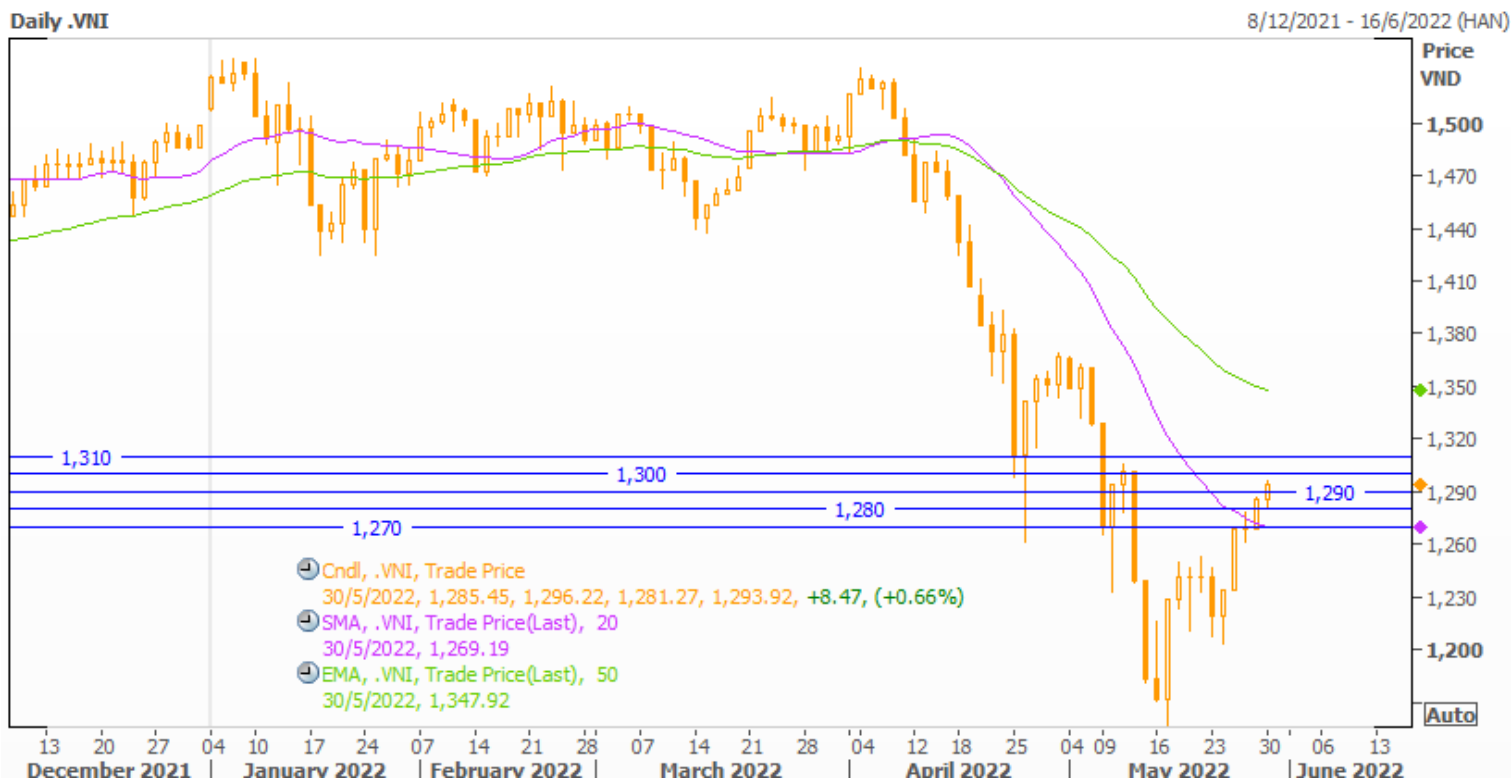
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- CPI tại Đức vẫn tăng phi mã trong tháng 5.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết, chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần của nước này tăng 0,9% m/m trong tháng 5, cao hơn mức tăng 0,8% của tháng trước đó và đồng thời cao hơn khá nhiều so với mức tăng 0,5% theo dự báo của các chuyên gia. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2021, CPI của Đức tăng tới 7,9%. Một số ý kiến cho rằng CPI của nước Đức sẽ chỉ hạ nhiệt nếu giá năng lượng suy giảm mạnh, nếu không CPI sẽ tiếp tục tăng lên và sẽ chậm dần ở cuối mùa hè. Đối với NHTW Châu Âu ECB, lạm phát đang gây áp lực rất lớn lên cách điều hành CSTT của cơ quan này. Có thể ECB phải sớm nâng LSCS, bất chấp bối cảnh nền kinh tế Châu Âu vẫn chưa thật sự khỏe mạnh trở lại.
- NHTW Nga BOR hạ mạnh lãi suất sau khi giá trị đồng Ruble hồi phục.** Ngày 26/05, trong một cuộc họp bất thường, BOR thông báo hạ LSCS từ mức 14% xuống còn 11%. Cơ quan này cho biết áp lực lạm phát đã hạ nhiệt do giá trị đồng Ruble tăng lên. Chỉ số CPI được ROB dự báo tăng khoảng 5% đến 7% trong năm 2022, thấp hơn rất nhiều so với mức 17,5% như hiện tại. ROB nhấn mạnh LSCS có thể còn giảm thêm nếu cần thiết. Trước đó, LS của BOR từng có lúc đạt 20% khi nước này mở chiến dịch quân sự với Ukraine, nhằm ngăn chặn các tác động bởi các lệnh trừng phạt của phương Tây lên đồng Ruble và kinh tế Nga.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
30-05	All day	*	CPI sơ bộ Đức mm T5	0,9	0,5	0,8
31-05	6:30	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Nhật Bản T4		2,6	2,6
31-05	6:50	*	Doanh số bán lẻ tại Nhật Bản yy T4		2,6	0,7
31-05	16:30	*	CPI sơ bộ Eurozone yy T5		7,7	7,7
31-05	20:00	*	Giá nhà tại Mỹ mm T4		2,0	2,1

## VN-INDEX



VN-Index tăng lên mức 1.293,92 điểm. VN-Index tiệm cận ngưỡng cản tâm lý 1.300 điểm, rất có thể sẽ đối diện với khả năng điều chỉnh trong ngắn hạn.

Nguỡng hỗ trợ: 1.280 – 1.270

Nguỡng kháng cự: 1.300 – 1.310

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)